

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI NINH BÌNH**

**GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: BẠO LỰC GIA ĐÌNH
NGHỀ: CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG/TRUNG CẤP**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCGNB ngày.....tháng.....năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình*

Ninh Bình, năm 2021

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được pháp dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

Tailieu.vn

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Bài 1: Kiến thức chung về bạo lực gia đình

Bài 2: Công tác xã hội cá nhân với đối tượng bị bạo lực gia đình

Bài 3: Công tác xã hội nhóm với đối tượng bị bạo lực gia đình và đối tượng gây bạo lực gia đình

Bài 4: Công tác xã hội với cộng đồng trong phòng chống bạo lực gia đình

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tailieu.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Bạo lực gia đình đã và đang trở thành một vấn đề xã hội nhức nhối cần được quan tâm giải quyết bởi đây là vấn đề gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng mà trước hết là vi phạm đến quyền con người, danh dự, nhân phẩm và tính mạng của mỗi cá nhân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Bạo lực gia đình cũng làm xói mòn các giá trị truyền thống tốt đẹp, là nguy cơ gây tan vỡ và suy giảm sự bền vững của gia đình Việt Nam, làm băng hoại các giá trị đạo đức truyền thống, tác động xấu đến môi trường giáo dục thế hệ trẻ, ảnh hưởng đến sự an toàn, lành mạnh của cộng đồng và trật tự xã hội. Ngoài những hậu quả về xã hội, đạo đức và sự bền vững của gia đình, bạo lực gia đình còn gây ra những tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội và quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta. Chính vì vậy, công tác phòng, chống bạo lực gia đình là vấn đề có tính chất chiến lược, là mục tiêu quan trọng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Chiến lược Xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005-2010 đã xác định mục tiêu tăng cường phòng, chống bạo lực trong gia đình và giảm tỷ lệ bạo lực gia đình, bình quân hàng năm từ 10-15%.

Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ và phát triển gia đình vì sự phát triển chung của xã hội; từ nhu cầu nghiên cứu về lĩnh vực gia đình và tình trạng bạo hành trong gia đình hiện nay; hình thành kỹ năng ứng phó với trường hợp bạo lực gia đình cho sinh viên theo học ngành Công tác xã hội, giáo trình Bạo lực gia đình được biên soạn. Giáo trình được biên soạn, chỉnh lý từ nhiều nguồn tài liệu của các nhà khoa học, các chuyên gia, các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước.

Chân thành cảm ơn ý kiến tư vấn của Hội đồng thẩm định giáo trình trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình cho kết cấu và nội dung tài liệu nhằm đảm bảo tính khoa học, phù hợp thực tiễn phòng, chống bạo lực gia đình hiện nay.

Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi những sơ suất, vì vậy rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các đồng nghiệp và các bạn sinh viên để tài liệu ngày càng hoàn thiện hơn.

Nhóm biên soạn:

Lê Hùng Cường

Hoàng Hải Đăng

Nguyễn Thị Lành

GIÁO TRÌNH MÔ ĐUN BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Tên mô đun: Bảo lực gia đình

Mã mô đun: MĐ 30

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của mô đun:

- Vị trí: Bảo lực gia đình là mô đun chuyên ngành quan trọng của chương trình đào tạo nghề Công tác xã hội có liên quan đến hoạt động bảo vệ quyền con người và cung cấp dịch vụ xã hội cho đối tượng bị xâm hại.

- Tính chất: Bảo lực gia đình là mô đun được áp dụng cho chương trình đào tạo học sinh nghề công tác xã hội nhằm rèn luyện các kỹ năng trong phòng, chống bạo lực gia đình.

- Ý nghĩa và vai trò của mô đun: nghiên cứu và học tập mô đun Bảo lực gia đình giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng ứng phó cần thiết với đối tượng của bạo lực gia đình trong quá trình thực hành nghề Công tác xã hội.

Mục tiêu của mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm và các dạng của bạo lực gia đình.

+ Phân tích được nguyên nhân, tác hại, các quan điểm nhận thức về bạo lực gia đình.

+ Trình bày được các dịch vụ, chính sách, pháp luật phòng chống bạo lực gia đình.

- Về kỹ năng:

+ Đánh giá, lập kế hoạch và quản lý trường hợp người bị bạo hành gia đình.

+ Tham vấn, biện hộ, thương thuyết, làm việc nhóm, huy động cộng đồng trong phòng chống bạo lực gia đình.

+ Hỗ trợ, giúp đỡ người gây bạo hành để họ nhận thức được hành vi sai trái và có cách ứng xử tốt hơn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tính tích cực tuyên truyền, vận động, phối hợp với gia đình và xã hội trong can thiệp và phòng ngừa bạo lực gia đình.

+ Nhận nhận được bạo lực gia đình là hành vi vi phạm quyền con người và luật pháp.

Nội dung mô đun:

BÀI 1: KIẾN THỨC CHUNG VỀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Mã bài: MĐ30-01

Mục tiêu:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được định nghĩa và các dạng bạo lực gia đình.

+ Trình bày được các quan niệm khác nhau về BLGD.

+ Phân tích được nguyên nhân và tác hại của BLGD.

+ Trình bày được các nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm của gia đình, cộng đồng và xã hội đề cập trong Luật phòng chống bạo lực gia đình.

+ Trình bày được nội dung hoạt động của các mô hình, chương trình, chính sách trong hỗ trợ, phòng ngừa bạo lực gia đình.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng các quan điểm về bạo lực gia đình vào trong bối cảnh xã hội khác nhau.

+ Thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin thực trạng, nguyên nhân của bạo lực gia đình.

+ Thực hiện tuyên truyền, vận động gia đình, cộng đồng và xã hội hiểu và hưởng ứng Luật phòng chống bạo lực gia đình.

+ Vận dụng được các mô hình, chương trình, chính sách trong trợ giúp và phòng ngừa bạo lực gia đình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện thái độ tôn trọng, thấu hiểu, cảm thông với những trường hợp đối tượng bị BLGD.

+ Khách quan, trung thực, không phán xét, tôn trọng các quan điểm về bạo lực gia đình.

+ Chấp nhận các hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của đối tượng và cộng đồng để đưa ra các mô hình, chính sách, luật pháp phù hợp.

+ Tôn trọng quyền tự quyết của đối tượng.

Nội dung chính:

1. Định nghĩa và các dạng bạo lực gia đình

1.1. Định nghĩa

Hiện nay có nhiều cách định nghĩa khác nhau về bạo lực gia đình. Tuy nhiên, một cách chung nhất, định nghĩa bạo lực gia đình trong Luật phòng, chống, bạo lực gia đình được Quốc hội khóa XII thông qua được lấy làm căn cứ pháp lý khi xác định một hành vi là bạo lực gia đình.

Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình. (Trích Luật phòng, chống bạo lực gia đình, 2007)

Ngoài định nghĩa bạo lực gia đình như trên, có thể kể đến một số định nghĩa được các tổ chức cũng như các nhà khoa học trên thế giới chấp nhận rộng rãi, như:

Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về Xóa bỏ Bạo lực đối với phụ nữ (1993) đã định nghĩa bạo lực đối với phụ nữ là “bất kỳ hành vi bạo lực trên cơ sở giới nào dẫn đến, hoặc có thể dẫn đến tổn hại về thể xác, tình dục hoặc tâm thần hoặc gây đau khổ cho phụ nữ, kể cả việc đe dọa có những hành vi như vậy, áp bức hoặc độc đoán tước bỏ tự do, dù diễn ra ở nơi công cộng hay trong cuộc sống riêng tư”. (Liên Hợp quốc. Tuyên bố về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ. Nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hợp quốc, tài liệu A/RES/48/104. New York, NY, 1993.)

Hội nghị Thế giới về Phụ nữ tại Bắc Kinh năm 1995 đưa ra 2 định nghĩa: bạo lực gia đình và bạo lực đối với phụ nữ.

Bạo lực gia đình là hành vi và sự đe dọa của các thành viên trong gia đình đối với các thành viên khác kết quả là làm cho người phụ nữ/các thành viên trong

gia đình bị đau đớn về thể xác, tinh thần hoặc tình dục... Bản chất của bạo hành là sự làm dụng quyền lực để khống chế khuất phục và kiểm soát người khác.

Bạo lực đối với phụ nữ là bất kỳ hành động bạo lực nào trên cơ sở giới gây tác hại hoặc tổn thương đối với phụ nữ về thân thể, tinh dục và tâm lý, kể cả việc đe dọa tiến hành những hành động đó, cưỡng bức hoặc độc đoán tước đoạt quyền tự do của người phụ nữ dù xảy ra ở nơi công cộng hay trong đời sống riêng tư.

Biểu hiện bạo lực trong gia đình:

- ✓ Ngược đãi trong quan hệ vợ chồng – tình dục khác giới;
- ✓ Ngược đãi anh, chị, em ruột;
- ✓ Ngược đãi người cao tuổi;
- ✓ Ngược đãi của người lớn tuổi trong gia đình (ông/bà) hay họ hàng;
- ✓ Ngược đãi phụ nữ có thai.

Bạo lực không chỉ bao gồm hành vi ngược đãi về mặt thể xác mà xao nhãng/bỏ rơi cũng là một dạng của bạo lực gia đình. Xao nhãng/bỏ rơi là bỏ bẵng, không chăm sóc cố tình hay vô tình với người khác trong gia đình và điều này gây nên tổn thương cho người khác. Xao nhãng/bỏ rơi về thể chất, tinh thần, y tế, giáo dục hoặc bỏ mặc không chăm sóc.

- *Bản chất của bạo lực gia đình*

Bản chất của bạo lực gia đình là sự sai lệch giá trị gia đình, sai lệch chuẩn mực xã hội. (Sách Bạo lực gia đình – Một sự sai lệch giá trị, Lê Thị Quý và Đặng Vũ Cảnh Linh, NXB. Khoa học xã hội, 2007)

Nếu tổ ấm gia đình bao hàm ý nghĩa của một giá trị sống thì bạo lực gia đình chính là một sự sai lệch, thậm chí là một tội ác. Trong điều kiện của xã hội hiện đại đang vận động và phát triển mạnh mẽ, bên cạnh sự biến đổi của khoa học kỹ thuật, sự phát triển của công nghệ và thông tin, sự nâng cao về đời sống văn hoá của các cá nhân và các nhóm xã hội thì nhân loại còn đang phải đối diện với hàng loạt những thách thức : môi trường sinh thái bị phá huỷ, nguồn tài nguyên bị cạn kiệt gắn liền với sự khủng hoảng về môi trường xã hội, chiến tranh, nạn khủng bố, bạo lực hoành hành trong gia đình và xã hội.

Chủ nghĩa gia trưởng, chủ nghĩa cá nhân cực đoan được hiểu theo khái niệm ích kỷ đã làm xuất hiện hàng loạt những sai lệch làm tổn thương đến con người và gia đình. Trong một số nhóm xã hội đã xuất hiện những nhu cầu, những biểu hiện lệch lạc về đạo đức, lao động, giá trị và sự hưởng thụ. Trong xu hướng sai lệch giá trị mang tính toàn cầu đã, những sai lệch trong gia đình càng không thể tránh khỏi. Gia đình với tính chất là một tổ ấm đã bị tấn công từ nhiều phía. Các chức năng của gia đình ở những thời điểm nhất định đang bị phá vỡ từng mảng, đặc biệt là chức năng thỏa mãn tinh thần , tình cảm và chức năng xã hội hóa . Đâu đã trên diễn đàn kể cả những diễn đàn nghiêm túc nhất của các nhà khoa học đã xuất hiện những quan điểm về sự khủng hoảng của gia đình, thậm chí có người còn cho rằng cái chết của gia đình. Người ta đã nói đến niềm hạnh phúc và sự thỏa mãn một cuộc sống cá nhân mà không cần đến tổ ấm gia đình. Trong bối cảnh đã, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình càng có những biến đổi. Sự gắn bó giữa các thế hệ

trong gia đình không còn chặt chẽ và thâm trầm tình người như trước. Quan hệ vợ chồng không chỉ chịu sự chi phối của tư tưởng phụ quyền mà còn chịu ảnh hưởng của đồng tiền, của xu hướng thay đổi tình cảm như thay đổi món ăn, quần áo. Quan hệ giữa cha mẹ và con cái là quan hệ kiểu “nước mắt chảy xuôi” và một số yếu tố tiêu cực khác mới nảy sinh trong nền kinh tế thị trường. Trong nhiều gia đình, tình cảm, chỗ dựa về tinh thần của mỗi cá nhân bị sút giảm thay vào đó bằng sự vô cảm, lạnh lùng, sự vô ơn, bất hiếu, sự coi thường tính mạng và phẩm giá của người khác. Tất cả những hiện tượng đã tác động lẫn nhau đẩy gia đình đến chỗ khủng hoảng mà đỉnh cao nhất của sự khủng hoảng này là bạo lực gia đình và ly hôn. Bạo lực gia đình không chỉ xảy ra trong bốn bức tường của gia đình mà nó đã vượt ra khỏi khuôn khổ gia đình và còn là một nguyên nhân đẩy nhanh sự phát triển của bạo lực xã hội và ngược lại.

Gia đình Việt Nam đang biến động mạnh mẽ và trở nên muôn hình, muôn vẻ. Ngày xưa, đại đa số là các gia đình tam – tứ đại đồng đường thì ngày nay phần lớn là các gia đình 2 thế hệ. Ngoài ra, còn có nhiều mô hình gia đình mới xuất hiện như gia đình đơn thân, gia đình ly hôn, ly thân, gia đình tái hôn, gia đình tảo hôn, cận huyết... Cha mẹ già ngày xưa dựa vào con thì ngày nay dựa vào chính mình hoặc nhà dưỡng lão... “Nếu biết đặt văn hóa, biết đặt giá trị gia đình lên trên hết thì mỗi người sẽ tự chấn chỉnh hành vi của mình để bảo vệ gia đình”.

Cơ chế thị trường có hai mặt: tích cực và tiêu cực. Một mặt, nó đem lại sự phát triển vượt bậc của xã hội cũng giúp cho năng lực cá nhân được khẳng định, phát triển. Đồng thời, nhiều người nhận thức sai lệch về tự do, đề cao cá nhân mà sai lệch chuẩn mực.

Trong cơ chế thị trường, gia đình đáng nhẽ là một giá trị cao nhất, là nơi nâng đỡ quan trọng thì nhiều người lại đặt dưới lợi ích cá nhân nên khi lợi ích bị xâm hại, họ từ chối tình thân, loại bỏ cả anh em, vợ chồng, bố mẹ mình. Do coi thường giá trị gia đình, nhiều người sống buông tuồng, không giữ gìn hành vi, lời nói gây ra tổn thương nghiêm trọng cho người thân như bạo lực, ngoại tình... Điều này khiến thành lũy gia đình bị đổ vỡ...

Kết luận: Bạo lực gia đình là một sự lệch chuẩn bởi vì nó đã vi phạm Công ước quốc tế về quyền con người đặc biệt là quyền của phụ nữ và trẻ em cũng như luật pháp của nhiều nước. Phụ nữ và trẻ em đang là những nạn nhân chủ yếu và trực tiếp của bạo lực gia đình. Nhưng việc xử lý những người gây ra bạo lực còn rất nhẹ, hoặc nhanh chóng chìm vào quên lãng. Đã không ít trường hợp kẻ vũ phu coi thường pháp luật, cản trở hoặc đe dọa người khác đến can thiệp và tiếp tục gây bạo hành với những người cũng sống trong một gia đình, lần sau nghiêm trọng hơn lần trước, thậm chí từ đe dọa giết người sang giết người, từ hành hạ ngược đãi, đến bức tử.

- *Chu kỳ bạo lực gia đình (giữa vợ - chồng)*

Chu kỳ bạo lực gia đình/vòng tròn bạo lực

Chu kỳ bạo lực gồm 3 giai đoạn: căng thẳng, bạo lực và trăng mật.

+ Giai đoạn căng thẳng:

Người gây ra bạo lực trở nên cáu kỉnh, dễ bị kích động... Phụ nữ cần nhận biết, cố gắng kiểm soát để “giữ hòa khí”.

- Người lạm dụng có thể có biểu hiện: sợ bị bỏ rơi và sử dụng bạo lực để kiểm soát người kia; đổ lỗi cho người kia vấn đề là do người đó; có thể ghen tuông.
- Người bị bạo hành/nạn nhân có biểu hiện: Suy nghĩ là mình đáng bị như thế; tự xoa dịu nỗi đau; kiềm chế sự tức giận; tự cho là phải có trách nhiệm “sửa chữa” tình huống hay mối quan hệ.

+ Giai đoạn bạo lực

Có thể là đe dọa gây bạo lực, tát, đánh và đe dọa dùng hung khí, đe dọa trẻ em, lạm dụng tình dục hoặc cưỡng dâm. Có thể giai đoạn này chỉ xảy ra trong khoảnh khắc, trong vài phút hoặc vài giờ.

- Người bạo hành có biểu hiện: thể hiện cơn giận dữ; có suy nghĩ “mong dạy cho người kia một bài học”; đưa ra các lời hăm dọa, như: “Nếu cô nói tôi sẽ đưa con đi”...
- Nạn nhân có thể có biểu hiện tâm lý như: cảm thấy sợ hãi; tự cho mình biểu lộ cơn giận bằng việc đánh lại; cảm thấy đau khổ, không có sự giúp đỡ, vô vọng...

+ Giai đoạn trắng mặt

Còn gọi là giai đoạn yêu thương và hối hận. Sau khi thực hiện hành vi bạo lực, người gây ra bạo lực bình tĩnh lại, thấy thương vợ, cầu xin vợ tha thứ và hứa hẹn sẽ thay đổi.

- Người bạo hành có thể: cảm thấy tội lỗi và buồn; khóc lóc và xin tha thứ; hứa sẽ thay đổi hành vi; có một số hành động tốt, như: mua hoa, tặng quà, nói ngọt ngào...; tỏ ra quan tâm và tốt bụng.
- Nạn nhân có thể có tâm trạng: cảm thấy hạnh phúc và có hy vọng; thông cảm với người đã có hành vi bạo lực; tin rằng những gì mà người kia nói với mình là sự thật.

Kết luận: Cùng với thời gian, chu trình bạo lực thường diễn ra nhanh hơn và trở nên nghiêm trọng hơn. Giai đoạn trắng mặt có thể ngắn trong khi đó giai đoạn bạo lực diễn ra dài hơn. Ngoài ra, những yếu tố khách quan có thể làm tăng thêm tính nghiêm trọng của chu trình.

Các yếu tố khách quan có thể kể đến như: các yếu tố về sức ép, những mong muốn của gia đình, bạn bè, xã hội, văn hóa và thậm chí là người lãnh đạo tôn giáo, đặc biệt là những khó khăn về kinh tế hay con cái.

1.2. Các dạng bạo lực gia đình

Phân chia các loại hình bạo lực gia đình là một vấn đề phức tạp, tuy nhiên lại hết sức quan trọng bởi nó cho phép mô tả đa diện thực trạng vấn đề để tìm ra phương cách hữu hiệu cho phép khắc phục thực trạng vấn đề.

* Theo phương thức ứng xử (có hay không sử dụng vũ lực)

- **Bạo lực thể chất:** là loại hình bạo lực có sử dụng vũ lực, tác động trực tiếp lên thân thể nạn nhân như: đánh đập, nhục hình, tước đoạt tùy tiện về tiền của, tài sản, cưỡng bức tình dục...

- **Bạo lực tinh thần** là loại bạo lực không sử dụng vũ lực, tác động lên tinh thần của nạn nhân như: chì chiết, lăm điều, mắng chửi, lăng mạ, tỏ thái độ lạnh lùng, không quan tâm, bỏ rơi, không nói chuyện... Trong đó, đáng chú ý là loại bạo hành ngôn ngữ.

** Theo quan hệ của các đối tượng bạo lực gia đình*

- **Bạo lực giữa vợ chồng với nhau** (bạo hành hôn nhân) là loại bạo lực gia đình phổ biến, được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trong đó, có thể kể đến một số hình thức chính (theo Viện nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Khoa học – Xã hội Việt Nam): cưỡng bức thân thể, cưỡng bức tình dục, cưỡng bức tâm lý, tình cảm, cưỡng bức về xã hội, cưỡng bức tài chính.

+ Cưỡng bức thể chất (thân thể)

Là bất kỳ hành vi hành hung thể xác nào: dùng tay, vật hoặc vũ khí, ví dụ như tát, đánh, đẩy đá, câu véo, đâm đá, nắm tóc kéo lê, vặn cổ tay, làm gãy xương, đâm bằng dao hay làm bị thương; hạn chế các nhu cầu thiết yếu (ăn, ngủ, uống) bằng cách giấu dược phẩm, thực phẩm, nước uống; phá rối không cho ngủ hoặc ép dùng rượu, cần sa ma túy; bỏ rơi nơi đường vắng vẻ nguy hiểm. Kể cả việc giam hãm thể chất và tiếp xúc với bạo lực gia đình.

Nghiên cứu Quốc gia chỉ ra rằng 31,5% phụ nữ từng lập gia đình đã từng bị chồng hoặc chồng cũ bạo hành về thể chất.

Nghiên cứu Quốc gia cũng chỉ ra rằng tần suất phụ nữ bị bạo lực về thể xác mang tính tích lũy và gia tăng theo độ tuổi.

Nghiên cứu ở phạm vi nhỏ chỉ ra rằng bạo lực thể xác là hình thức phổ biến nhất của bạo lực trên cơ sở giới với tỉ lệ từ 16-37% phụ nữ cho biết họ đã từng bị bạo lực thể xác.

Một nghiên cứu trên 465 cặp đôi chỉ ra rằng 50% nam giới thừa nhận họ đã từng đánh vợ trong khi chỉ 37% phụ nữ nói rằng họ từng bị bạo lực. Điều này cho thấy, phụ nữ thường có xu hướng báo cáo không đầy đủ về tình trạng bạo lực mà họ đã chịu trong đời.

+ Cưỡng bức tâm lý, tình cảm

Bắt bạn đời sống trong bầu không khí sợ hãi; khủng bố nạn nhân đến hoảng loạn tâm thần như: xỉ vả, làm nhục, có lời lẽ đe dọa, bị ép cô lập, hăm dọa, đe dọa và kiểm soát các hành động (không phù hợp); dùng lời đường mật hứa hẹn cho hy vọng rồi nuốt lời; liên tục truy hỏi, nói nặng lời để hạ nhân phẩm; làm mất tự trọng, kể lại một cách điều cốt những vụ tình ái riêng tư. Có thể là cả việc lấy đi quyền quyết định của người thân trong khi người đó có đủ khả năng đưa ra quyết định...

Nghiên cứu quốc gia cho thấy tỷ lệ bạo lực tâm lý phổ biến trong suốt đời người phụ nữ do chồng gây ra là 53,6%.

Nghiên cứu ở phạm vi nhỏ chỉ ra rằng tỷ lệ bạo lực tâm lý/tinh thần cao hơn tỷ lệ bạo lực thể xác từ 19% đến 55%.

Cuộc điều tra 2006 trên tổng số 2.000 phụ nữ đã từng lập gia đình cho biết 25% trong số họ đã từng bị bạo lực tâm lý/tinh thần trong chính gia đình họ.

Rất khó xác định bạo lực vì những tổn hại không thể hiện ra bên ngoài như bạo lực thể xác.

Rất khó để phân biệt một hành vi chỉ là xúc phạm hay đến đã mức bạo lực tâm lý/tinh thần.

Đối với mỗi trường hợp, cần phải đánh giá chính xác các tác động mà hành vi gây ra. Cần xem xét có mối quan hệ quyền lực và kiểm soát giữa hai người hay không.

+ *Cưỡng bức tình dục*

Là có bất kỳ hành vi tình dục không đúng đắn nào với bạn đời, quan hệ tình dục với người không có đầy đủ kiến thức hay không nhất trí hoặc khi mà sự nhất trí đạt được bằng việc lợi dụng. Ép bạn đời làm tình và xem hình ảnh khiêu dâm; ép “chặn gói” sau khi đánh đập; cố tình dày vò bộ phận sinh dục, không cho dùng thuốc ngừa thai, làm tình hậu môn; cưỡng hiếp khi bạn đời ngủ, đau ốm; coi người phối ngẫu như thứ đồ chơi, chê bai cách làm tình...

Ví dụ: hiếp dâm trong hôn nhân, cưỡng ép quan hệ tình dục, cưỡng hiếp, kích thích tình dục hay cưỡng ép làm mại dâm...

Nghiên cứu quốc gia cho thấy cứ khoảng 10 phụ nữ từng kết hôn thì có 01 người đã từng bị chồng bạo lực tình dục trong đời (9,9%).

Cuộc điều tra năm 2006 của Ủy ban Các vấn đề Xã hội của Quốc hội tại 08 tỉnh, thành phố cho thấy có đến 30% phụ nữ trả lời đã từng bị chồng bắt quan hệ tình dục ngoài ý muốn.

Theo dữ liệu của Trung tâm tư vấn Cửa Lò thì có 42/207 vụ là bạo lực tình dục.

+ *Cưỡng bức về xã hội*

Cô lập khỏi hệ thống giúp đỡ thực sự (cắt đứt mối quan hệ giữa vợ/chồng với người thân trong gia đình, với bạn bè thân hữu; nhốt trong nhà, cắt điện thoại, không cho đi đâu và giao tiếp với bất cứ ai) hoặc khống chế việc sử dụng thời gian và không gian, liên tục rình mò, do thám, theo dõi.

+ *Cưỡng bức kinh tế/tài chính*

Lấy tiền hoặc sử dụng tiền tài sản của người khác không có sự nhất trí. Kể cả hành vi như gây ảnh hưởng để điều khiển việc sử dụng tiền, tài sản khi không được phép hay đi ngược lại mong muốn của người kia, lừa lấy tiền, thuyết phục hay đe dọa lấy tiền, sử dụng sai quyền giám hộ tài sản (khi người kia không đủ khả năng – bị bệnh tâm thần, trẻ em...). Bắt bạn đời lệ thuộc về tiền nong, không cho giữ tiền và đi làm, bắt phải hỏi xin tiền và chứng minh mọi việc mua sắm chi tiêu lớn nhỏ.

Một điều tra nhỏ về hình thức bạo lực kinh đã được thực hiện tại Việt Nam. Dữ liệu thu được từ trung tâm tư vấn thuộc Bệnh viện Đức Giang – Hà Nội cho thấy 11% bệnh nhân đã từng bị bạo hành về kinh tế.

- *Bạo lực giữa các thành viên lớn tuổi* trong gia đình là loại bạo lực giữa anh chị em, mẹ chồng nàng dâu, em chồng chị dâu...

- *Bạo lực của người lớn tuổi đối với trẻ em* là loại bạo lực của cha mẹ đối với con cái, ông bà với cháu, anh chị đối với em.

- *Bạo lực ngược* – người nhỏ tuổi với người lớn tuổi hơn: con cái bạo lực cha mẹ, cháu ngược đãi ông bà, em hành hạ anh chị...

** Phân loại theo giới*

Là cách tiếp cận thường gặp trong các nghiên cứu về bạo lực gia đình. Theo cách này, người ta nói đến nạn bạo hành phụ nữ trong gia đình và phụ nữ bạo hành nam giới (bạo hành ngược, ít thường xuyên hơn). Trong mỗi loại bạo hành phân chia theo cơ sở giới tính này, có cả sự xuất hiện của các loại hình bạo lực gia đình trên.

Hệ thống loại hình bạo lực do Tổ chức Y tế thế giới xác định năm 2002

2. Nguyên nhân, tác hại của bạo lực gia đình

2.1. Nguyên nhân của bạo lực gia đình

** Nguyên nhân bạo hành giữa vợ và chồng*

Trên cơ sở quan điểm *Mô hình sinh thái về bạo lực gia đình* của Lori Heise, nguyên nhân của bạo lực gia đình được xác định từ góc độ cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội.

+ Về phía cá nhân người có hành vi BLGD

- Tư duy bất bình đẳng giới, thái độ gia trưởng, tư tưởng trọng nam khinh nữ ở một số nam giới. Yếu tố này khiến họ tin vào quyền lực của mình để đòi hỏi mọi người trong gia đình đặc biệt là người vợ phải tuân thủ yêu sách của họ.

- Đòi hỏi sự hoàn hảo đối với các thành viên trong gia đình và vì vậy họ thường đưa ra sự kiểm soát gắt gao và những kỷ luật nặng nề. Nếu thành viên nào trong gia đình không làm theo họ sẵn sàng phạt các thành viên trong gia đình. Ví dụ như họ đưa ra yêu cầu cho con cái về kết quả học tập phải cao, người vợ phải hoàn hảo trong nội trợ hay ứng xử...

- Những trải nghiệm về bạo lực trong gia đình khi còn nhỏ tuổi. Người ta cho rằng những người khi còn nhỏ đã bị bạo lực hay chứng kiến cảnh bạo lực trong gia đình thì khi lớn lên họ thường có xu hướng bạo lực với người khác đặc biệt là với người trong gia đình.

- Việc thiếu kỹ năng làm cha/ mẹ hay kỹ năng trong giao tiếp, kỹ năng quản lý bản thân cũng khiến cho người có hành vi BLGD không hiểu đặc điểm nhu cầu và tâm lý của vợ/chồng hay con cái hay người già, không biết kiểm soát bản thân từ đó dễ có ứng xử thô bạo trong gia đình.

- Thiếu hiểu biết về quy định pháp luật như Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật PCBLGD.

- Say và nghiện rượu của người thực hiện bạo lực thường là nguyên nhân thứ cấp của hành vi bạo lực. Nhiều khi rượu là con đường để họ giải tỏa tâm trạng ức chế nảy sinh do nhiều yếu tố trong cuộc sống.

- Thiếu hiểu biết về huy động và sử dụng nguồn lực trong gia đình, cộng đồng để giải quyết những khó khăn trong gia đình (ví dụ thiếu việc làm, thu nhập thấp...).

+ *Về phía nạn nhân bạo lực gia đình*

- Sự cam chịu bạo lực trong gia đình của nạn nhân BLGD. Việc nín nhịn, không dám công khai, báo cáo về hành vi BLGD của nạn nhân một mặt làm cho người có hành vi BLGD ghi nhận đó là quyền của họ, mặt khác xã hội thiếu thông tin, chứng cứ để can thiệp, xử lý từ đó răn đe và giáo dục người có hành vi bạo lực gia đình.

- Sự tự ti, tự hạ thấp nhân phẩm, quyền của bản thân nhất là phụ nữ làm tăng thêm tính gia trưởng, áp đảo của người có hành vi BLGD trong đó đặc biệt là những người chồng.

- Sự quá khoan dung độ lượng ở không ít phụ nữ/người vợ như tự nhận trách nhiệm về mình, biện minh cho hành vi bạo lực của người chồng, tự chịu hình phạt thay cho người chồng cũng khiến cho nam giới/người chồng càng không có trách nhiệm với hành vi BLGD của họ.

- Thiếu công việc, thiếu tiền bạc, thiếu kiến thức... nên người phụ nữ/người vợ rất khó thoát khỏi mối quan hệ phụ thuộc.

- Cam kết với hôn nhân và muốn thể hiện sự thành công trong hôn nhân nên có phụ nữ muốn níu kéo mối quan hệ bạo lực.

+ *Về phía gia đình*

Những thái độ, quan điểm, văn hoá không tích cực của gia đình cũng đóng góp vào sự tồn tại hay gia tăng hành vi BLGD. Tư tưởng trọng nam khinh nữ, thái độ gia trưởng phong kiến trong gia đình hạt nhân hay gia đình mở rộng, khi cho rằng mọi việc đều do người đàn ông quyết định và quan niệm và cho rằng trẻ em là tài sản của cha mẹ thì những vụ bạo hành với trẻ cũng được xem như chuyện của gia đình và khả năng BLGD với phụ nữ và trẻ em ngày càng có nguy cơ xảy ra.

- Mong đợi cho uy tín của gia đình dẫn đến đòi hỏi quá cao vào thành đạt của con cái và khi không đạt được như mong muốn thì đánh, phạt trẻ hay sử dụng những lời lẽ mang tính xúc phạm trẻ.

- Thiếu việc làm hay thu nhập thấp, đông con, sống trong điều kiện tồi tàn là một trong những yếu tố nguy cơ dẫn đến BLGD. Một nghiên cứu chỉ ra số phụ nữ trong gia đình thu nhập thấp (dưới 7.500 USD/năm) thường là nạn nhân của bạo lực cao gấp 5 lần so với những phụ nữ trong gia đình với thu nhập cao (trên 30.000 USD/năm) (Rennison & Welchans, 2000).

- Những cuộc hôn nhân không theo ý muốn tạo nên sự nặng nề trong gia đình giữa người vợ và người chồng, giữa bố mẹ và con cái cũng là nguy cơ của bạo lực gia đình.

- Những căng thẳng trong gia đình như bất hoà giữa bố mẹ, xung đột tâm lý giữa các thế hệ hay áp lực từ công việc, sự ốm đau lâu ngày của một thành viên... nếu không được giải quyết thì có thể là nguyên nhân tiềm tàng của sự bạo lực trong gia đình.

- Những gia đình có bạo lực thường cách biệt với xã hội, hoặc họ tự cô lập để tránh điều tiếng cho gia đình vì thế BLGD tiếp tục diễn ra trong GD họ.

+ *Về phía cộng đồng*

- Sự chấp nhận hành vi bạo lực ở cộng đồng thì người dân nơi đó sẽ có khuynh hướng ủng hộ hành vi bạo lực hay thờ ơ với hiện tượng bạo lực.

- Cộng đồng nghèo đói, kém phát triển, các tệ nạn xã hội cao, thất nghiệp nhiều cũng là nguy cơ của sự gia tăng bạo lực.

- Sự thiếu vắng của những dịch vụ trợ giúp nạn nhân bị bạo lực trong cộng đồng làm gia tăng sự cam chịu của các nạn nhân, thiếu thông tin để xử lý và răn đe hành vi BLGD.

- Mọi quan hệ lỏng lẻo giữa gia đình, họ hàng hay hàng xóm cũng làm cho sự phát hiện và can thiệp các vụ bạo lực giảm đi hay không có hiệu quả.

+ *Về phía xã hội*

- Bất bình đẳng giới, phân biệt nam nữ, cho rằng đàn ông là người quyết định trong gia đình và người vợ phải lệ thuộc vào người chồng... khiến xã hội, gia đình và bản thân người vợ dễ bỏ qua những hành vi bạo lực của đàn ông.

- Tồn tại quan niệm không đúng đắn của xã hội cho rằng sử dụng hình phạt là một cách giáo dục phụ nữ và trẻ em. Điều này đã làm cho sự giảm nhẹ việc lên án xã hội với những hành vi thô bạo với phụ nữ hay sử dụng roi vọt để giáo dục, dạy dỗ trẻ và cưỡng ép trẻ lao động quá sức.

- Thiếu vắng và sự thực hiện nghiêm minh các luật pháp bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình sẽ làm giảm đi sự giáo dục và răn đe những hành vi BLGD trong xã hội.

- Phim ảnh, trò chơi mang tính bạo lực trên thông tin đại chúng vô hình đã làm cho người ta bình thường hoá hành vi bạo lực trong cuộc sống hàng ngày.

* *Nguyên nhân bạo hành với trẻ em*

Hiện nay, những vụ bạo lực gia đình với trẻ em đã và đang diễn ra rất nghiêm trọng và phổ biến, gây hậu quả xấu về tính mạng, sức khỏe, tinh thần và sự phát triển trí tuệ của trẻ; khiến dư luận xã hội đặc biệt quan tâm và bức xúc. Có thể chỉ ra một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Văn hoá "Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi" bấy lâu nay khiến cho người ta coi chuyện đánh con là bình thường là quyền của cha mẹ là cho con lên người; do thiếu hiểu biết về pháp luật nói chung và pháp luật về quyền trẻ em nói riêng; về kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của cộng đồng, gia đình và chính bản thân các em đã dẫn tới mọi người vẫn cho rằng cha mẹ có quyền dạy con bằng đòn roi, bằng sự xỉ nhục, hành hạ.

- Pháp luật chưa đủ mạnh, chưa đủ răn đe những người có hành vi bạo lực, như Điều 110 Luật Hình sự có quy định "Người nào đối xử tàn ác với đối tượng là trẻ em lệ thuộc mình thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ từ 1 năm đến 3 năm". Mức án như vậy là quá nhẹ.

- Pháp luật về bảo vệ trẻ em còn nhiều khoảng trống: chưa có quy định cụ thể về bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng; chưa có quy định đặc biệt trong trường hợp nhận tố giác từ trẻ em.

- Đã có Luật Phòng, chống bạo lực gia đình nhưng thực hiện chưa nghiêm túc. Tiếng nói và cách xử lý của chính quyền với các vụ cha, mẹ bạo hành với con cái còn yếu. Cùng với thái độ thờ ơ, vô cảm của cộng đồng đã dẫn tới nhiều trẻ em bị bạo lực nhiều lần, gây hậu quả khá nghiêm trọng mà vẫn không bị xử lý trong khi Nghị định 114/2006/NĐ - CP đã quy định mức phạt rất cụ thể.

- Môi trường xã hội còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ dẫn đến bạo lực trẻ em như: cha mẹ bị cuốn vào tệ nạn xã hội, nghiện hút, cờ bạc, rượu chè; cha mẹ mâu thuẫn hoặc ly hôn, lối sống ích kỷ, thiếu trách nhiệm với con cái. Sự lan truyền của văn hoá bạo lực, đồi trụy qua nhiều kênh, đặc biệt là qua Internet ... dẫn đến các hành vi, hành xử tiêu cực, bạo lực mà nạn nhân thường là trẻ em và lẽ tất nhiên sẽ tác động tới tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách của trẻ em.

- Gia đình nghèo, kinh tế khó khăn cũng là nguy cơ dẫn tới bạo lực gia đình vì kinh tế khó khăn sẽ gây ra nhiều áp lực, căng thẳng, bế tắc dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình, hậu quả trẻ em phải hứng chịu.

- Yêu đương sớm, quan hệ tình dục bừa bãi có thai ngoài ý muốn cũng là một nguyên nhân dẫn tới tội ác (giết chết, chối bỏ, hành hạ trẻ sơ sinh). Có người nói tình trạng này đang ở mức "Báo động đỏ", nó cảnh báo một vấn đề xã hội nghiêm trọng, hệ quả của suy thoái đạo đức và lối sống của giới trẻ.

- Bất bình đẳng giới cũng là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự loại bỏ thai nhi khi biết là gái, vứt bỏ trẻ sơ sinh là gái và bạo lực với trẻ em gái.

Tình trạng bạo lực gia đình với trẻ em chỉ có thể được kiểm chế khi tìm đúng nguyên nhân và có giải pháp phù hợp.

- *Nguyên nhân gia tăng nạn bạo lực gia đình*

Có thể phân chia nguyên nhân dẫn đến và gia tăng nạn bạo lực gia đình thành 3 nhóm sau: nhóm nguyên nhân xuất phát từ lối sống và hoàn cảnh sống, nhóm nguyên nhân về tâm lý và nhận thức; nhóm nguyên nhân từ môi trường quản lý xã hội. Cụ thể:

+ Nguyên nhân kinh tế, đói nghèo, căng thẳng vì kiếm sống: Trong số các nạn nhân của bạo lực gia đình có rất ít người có đủ tiền, thời gian và thông tin để gọi điện hoặc đến tận nơi nhờ tư vấn và giúp đỡ (vì hoàn cảnh sống khó khăn). Tuy nhiên, trên thực tế bạo hành diễn ra ở tất cả các nhóm gia đình, không phân biệt trình độ, mức sống. Trước đây, người ta cho rằng bạo hành gia đình đi liền với trình độ nhận thức thấp và đời sống đói nghèo, lạc hậu. Nhưng thực tế, nhiều nạn nhân là những người có trình độ cao và mức sống khá giả. Do đó, không nên quá nhấn mạnh nguyên nhân này mà thay vào đó là tập trung vào nguyên nhân về lối sống của các gia đình và từng cá nhân trong gia đình.

Về lối sống: chồng/vợ/con/cháu rơi vào tệ nạn xã hội, nghiện rượu, hút, đánh đề, cờ bạc đánh đập vợ/con... đòi tiền để thỏa mãn cơn nghiện; hoặc do căng thẳng, thần kinh không ổn định, thất vọng trong cuộc sống; những bất đồng về quan điểm,

lỗi sống, nuôi dạy con cái, tình dục (vợ/chồng ngoại tình)... là nguyên nhân dẫn đến bạo lực. Tuy nhiên, các nghiên cứu lại cho thấy đây không phải là nguyên nhân trực tiếp (hoặc không được thừa nhận) và người chồng/cha phải tìm những lý do “hợp lý” khác như làm trái ý chồng/cha để có thể đánh đập, mắng chửi vợ/con.

+ Cả người bị bạo hành và người bạo hành đều chưa có nhận thức đầy đủ về nguyên nhân cốt lõi của các hình thức bạo lực. Tâm lý che giấu, cam chịu của chị em phụ nữ. Học vấn thấp, nhận thức kém, không biết quyền, thiếu hiểu biết luật pháp, không biết cách ứng xử phù hợp.

+ Quan niệm cũ của xã hội phong kiến còn tồn tại dai dẳng trong xã hội ngày nay - quan niệm trọng nam khinh nữ, tư tưởng gia trưởng; bất bình đẳng giới. Đây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến bạo lực gia đình.

Kết quả Nghiên cứu quốc gia phản ánh nhận thức của người phụ nữ về vai trò của họ như sau: 27% đồng ý với ý kiến “một người vợ tốt là người luôn biết vâng lời ngay cả khi chị ta không đồng ý”; Cùng tỷ lệ như trên đồng ý với ý kiến “mọi quyết định quan trọng của gia đình phải do người chồng quyết định”; Tuy nhiên, phần lớn phụ nữ muốn chồng chia sẻ công việc gia đình với họ khi họ đi làm (97.7%).

+ Một số nguyên nhân thuộc về phía phụ nữ, như sự thiếu kỹ năng ứng xử, tự bảo vệ mình của nạn nhân. Họ phải tự tin về giá trị bản thân, không cho phép người khác làm tổn thương và hành hạ mình. Họ cũng phải ý thức được mình đang sống trong nạn bạo hành thì mới có thể lên tiếng, tìm sự trợ giúp và đấu tranh chống lại nó. Kỹ năng ứng xử trong gia đình – giữa các cặp vợ chồng, giữa những người lớn, giữa người lớn và trẻ em... là một phần quan trọng góp phần giữ gìn sự bền vững cho gia đình.

+ Việc phòng chống bạo lực gia đình chưa được quan tâm đúng mức; chính quyền địa phương chưa xử lý triệt để những vụ việc về bạo lực gia đình; thiếu các chương trình đồng bộ nhằm giáo dục, xử lý có hiệu quả những kẻ vi phạm luật pháp để họ thay đổi hành vi theo hướng tích cực; cũng như thiếu các chương trình hỗ trợ, tạo điều kiện giải quyết các mâu thuẫn dẫn tới bạo lực.

+ Chưa có đầy đủ thông tin để đưa ra các dữ liệu về tình trạng bạo lực đối với phụ nữ, vì vậy đã hạn chế đến việc phân tích và hoạch định chính sách.

+ Thiếu những dịch vụ để chăm sóc và hỗ trợ những nạn nhân của bạo lực: hệ thống chăm sóc sức khỏe, tham vấn...

+ Các biện pháp để thi hành pháp luật, nhất là trong lĩnh vực hình sự nhằm ngăn chặn các hình thức bạo lực. Các chiến lược phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ còn mang tính chấp vá, chưa nhất quán và thiếu chương trình cụ thể.

- Nguyên nhân khiến nạn nhân không dám thoát khỏi mối quan hệ bạo lực/ chấp nhận sống chung với bạo lực

+ Nguyên nhân sợ hãi: sợ bị trả thù bằng bạo lực nếu phản kháng, sợ bị đánh tiếp, sợ con cái khổ... là nguyên nhân đầu tiên đầu tiên mà những nạn nhân của bạo lực gia đình thường tâm sự.

+ Cảm giác bất lực: không chỉ sợ hãi, nạn nhân của bạo lực gia đình còn cảm thấy bất lực trước quyết định thoát khỏi mối quan hệ với người bạo hành. Họ tin rằng không được lựa chọn, từ đó không dám chủ động quyết định. Thậm chí, nhiều người còn có tâm lý “an phận”, đổ lỗi cho số phận.

+ Mối ràng buộc: đây là kết quả của các hành động tốt – xấu luân phiên nhau qua các giai đoạn, khiến cho nạn nhân nhầm lẫn rằng người bạo hành đã thay đổi và sẽ không phải chịu hành động bạo lực nữa.

+ Lệ thuộc về mặt tinh thần: Nhiều nạn nhân rơi vào tình trạng làm tưởng về vị thế của mình. Vì họ bị thuyết phục và tin rằng mình yếu đuối, thấp kém và không xứng đáng bị đối xử tốt; hành động của họ đáng bị trừng trị.

+ Lệ thuộc tài chính: Một trong những nguyên nhân khiến nạn bạo hành gia đình gia tăng là tài chính. Đồng thời, tài chính cũng là một trong những nguyên nhân khiến nạn nhân không dám thoát khỏi mối quan hệ với người bạo lực mình. Họ sợ bị cắt nguồn thu nhập, sợ mình sẽ không thể tự sinh sống nếu chia tay người bạo lực.

+ Mặc cảm: Một trong những ràng buộc khiến nạn nhân không quyết tâm thoát khỏi tình trạng bị bạo lực là những quan niệm về văn hóa, tôn giáo. Những chuẩn mực này đã ăn sâu vào tâm lý của họ. Nạn nhân sợ bị mất mặt, xấu hổ nếu vi phạm những chuẩn mực đó của cộng đồng.

+ Cô đơn: mặt khác, tình trạng cô đơn của nạn nhân cũng khiến họ không dám thoát khỏi mối quan hệ bị bạo hành. Cụ thể: có ít bạn bè, mối quan hệ và người giúp đỡ. Trong trường hợp đó, những nhân viên xã hội phải đóng vai trò là cầu nối tinh thần, tình cảm cho nạn nhân ra thế giới để họ có quyết tâm thoát khỏi mối quan hệ bạo lực trong gia đình.

+ Con cái: đối với nạn nhân của bạo lực gia đình, đặc biệt là nạn nhân nữ. Ràng buộc về mặt con cái khiến người phụ nữ khó thoát khỏi mối quan hệ bạo lực trong gia đình. Lý do họ đưa ra là: tin rằng con cái có cả bố và mẹ vẫn tốt hơn; sợ bị mất quyền chăm sóc con cái; bị đe dọa làm hại đến con cái.

+ Hy vọng: nạn nhân của bạo lực gia đình hy vọng rằng nếu họ thay đổi theo ý muốn của kẻ ngược đãi thì sẽ chấm dứt việc lạm dụng; hy vọng vào lời hứa thay đổi của đối tượng hành hung. Là nhân viên công tác xã hội, anh/chị phải phân tích tình hình cho nạn nhân thấy khi nào thì còn khả năng hy vọng và khi nào thì vô vọng.

2.2. Tác hại của bạo lực gia đình

- *Ảnh hưởng đến đời sống cá nhân người bị bạo hành*

+ Tinh thần: Khủng hoảng, lo sợ, căng thẳng...

+ Tâm lý: trầm cảm, lãnh cảm, rối nhiễu tâm lý, tự ti, xấu hổ...

+ Hành vi: Có thể có một số rối loạn hành vi...

+ Hoạt động xã hội: thụ động, không muốn quan tâm đến việc tham gia các hoạt động xã hội, khép mình...

+ Sức khỏe, thể chất...

Nghiên cứu quốc gia cho thấy sức khỏe của phụ nữ từng bị bạo lực về thể xác và tình dục thường yếu hơn so với phụ nữ chưa từng bị bạo lực. Phụ nữ bị bạo lực gia đình thường gặp khó khăn trong việc đi lại, thực hiện các hoạt động hàng ngày, chịu đau đớn, suy giảm trí nhớ, luôn buồn rầu và có ý nghĩ tự sát, đối với phụ nữ mang thai thì khả năng sảy thai, thai chết lưu hoặc nạo phá thai cũng là khó tránh.

- *Ảnh hưởng đến đời sống gia đình và con cái*

+ Ảnh hưởng đến với đời sống gia đình

Gia đình không ổn định, thường xuyên có những căng thẳng có thể dẫn đến phá vỡ cấu trúc gia đình và có những rối nhiễu về chức năng. Ảnh hưởng đến kinh tế gia đình; các mối quan hệ bị tổn hại; giảm khả năng lao động của phụ nữ; giảm giá trị các điều kiện sống của phụ nữ và trẻ em.

+ Ảnh hưởng đến với con cái

➤ Tình cảm: trẻ em cảm thấy tội lỗi, thương tiếc cho gia đình và sự mất mát, có những cảm xúc không tốt về cha mẹ, bị trầm cảm, cảm thấy vô vọng và xấu hổ về gia đình mình.

➤ Quan niệm: trẻ em tin là các em phải chịu trách nhiệm về hành vi bạo hành; đổ lỗi cho người khác về những hành vi của mình, tin là việc đánh ai đó có thể chấp nhận được và để lấy cái gì các em muốn; tỏ sự tức giận của mình; tỏ ra mình có quyền lực; không tin vào người khác; cảm thấy sự cáu giận là xấu xa vì ai đó sẽ bị tổn thương, tin vào những định kiến sai lầm về đàn ông, đàn bà, vợ, chồng.

➤ Hành vi: thoái lui, không muốn đến trường, tỏ ra hoặc là rất hung hãn hay thụ động, dằn dặt hoặc gặp ác mộng, thể hiện những hành vi không kiểm soát được.

➤ Xã hội: bị cô lập khỏi bạn bè, họ hàng, có mối quan hệ thất thường, nhút nhát hơn với trẻ cùng lứa, đối xử thô bạo với bạn.

➤ Thể chất: lo lắng sợ sệt và ít tập trung, mệt mỏi, thường hay ốm, không tự chăm sóc mình...

- *Ảnh hưởng đến cộng đồng xã hội*

+ Đối với cộng đồng: có thể làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hàng xóm, cộng đồng xung quanh.

+ Đối với xã hội: cản trở sự phát triển và tiến bộ của phụ nữ; giảm đóng góp của nạn nhân cho xã hội; tăng áp lực cho hệ thống y tế phần nào gây ảnh hưởng, thiệt hại đến toàn xã hội.

- *Hậu quả đối với chính người gây ra bạo lực*

Chịu những chế tài hành chính hoặc hình sự vì chính những hành vi vi phạm do họ gây ra; Bị mất mát, xấu hổ trước cộng đồng; Bạo lực có thể dẫn đến cái chết của chính người gây ra bạo lực (Hội chứng của phụ nữ bị bạo lực).

Tóm lại, bạo lực gia đình không chỉ ảnh hưởng đến nạn nhân mà còn ảnh hưởng đến gia đình, đặc biệt là trẻ em. Gia đình là tế bào của xã hội. Nếu mỗi tế bào không khỏe mạnh, thì xã hội không thể khỏe mạnh và phát triển được.

3. Các quan niệm khác nhau về bạo lực gia đình

3.1. Quan điểm sinh học

Các nhà sinh học xã hội tìm kiếm câu trả lời cho sự khác biệt về vai trò xã hội giữa phụ nữ và nam giới từ những nguyên nhân sinh học. Ví dụ như tính hung hăng của đàn ông và chức năng sinh dưỡng ở đàn bà là kết quả của những dị biệt di truyền (Wilson, 1978).

Trong nhiều năm qua, quan điểm sinh học cho rằng chu kỳ kinh nguyệt và lưu lượng máu trong thời kỳ kinh nguyệt là nguyên nhân chính gây nên mọi đặc tính tiêu cực ở nữ giới, từ tính cách nóng nảy cho tới bản chất bị coi là tội lỗi, dâm ô (Dolaney, Lupton và Toth, 1988).

Cũng từ góc độ sinh học, Sigmund Freud – một đại diện của trường phái Phân tâm học công bố rằng giải phẫu của người phụ nữ quyết định số mệnh của họ.

Theo ông, đặc điểm sinh học của phụ nữ quyết định tâm lý, năng lực và vai trò của họ trong xã hội.

Trên thực tế, có sự khác biệt sinh học giữa phụ nữ và nam giới, nhưng sự khác biệt đó không thể là cơ sở cho sự phân biệt đẳng cấp... Vấn đề bạo lực với phụ nữ có liên quan tới nền tảng văn hóa và giáo dục.

3.2. Quan điểm về giới

Một trong những vấn đề cốt lõi của lý thuyết giới là hệ thống lý luận xoay quanh một số câu hỏi cơ bản: Nguồn gốc nào tạo nên bạo lực giới? Cơ chế nào đang duy trì hình thức bạo lực giới, cũng như làm thế nào để thu hẹp khoảng cách giới, hay xóa bỏ những bất bình đẳng giới đang tồn tại?

3.3. Quan điểm nhận thức – hành vi

Tiếp cận từ góc độ Tâm lý học nhấn mạnh đến yếu tố động cơ – cảm xúc và yếu tố nhận thức trong quá trình hình thành xu hướng bạo lực. Theo đó:

Lý thuyết nhận thức nhấn mạnh rằng sự khác nhau về hành vi ứng xử của nam giới và nữ giới tùy thuộc vào cách mỗi người nhận thức về một “hoàn cảnh” cụ thể là thuận lợi hay bất lợi cho hành vi ứng xử đó diễn ra.

Lý thuyết học tập xã hội mà trọng tâm là quá trình xã hội hóa thời thơ ấu được nhắc đến như là lý thuyết cơ bản lý giải sự hình thành các bạo lực giới và phân biệt đối xử của mỗi cá nhân... Thuyết học tập xã hội cho rằng cá nhân bắt chước hành vi bạo lực từ trong gia đình.

3.4. Quan điểm văn hóa – xã hội

Lý thuyết văn hóa xem xét bạo lực gia đình như một tiêu văn hóa tương tác, ứng xử của một xã hội rộng lớn hơn... Khi con người có xu hướng thỏa hiệp các hành vi bạo lực ngoài xã hội thì trong gia đình họ cũng có xu hướng sử dụng bạo lực với các thành viên khác.

3.5. Quan điểm hệ thống xã hội

Các nhà nghiên cứu xã hội học cho rằng hoàn cảnh xã hội là yếu tố khách quan tác động đến việc cá nhân thực hiện hành vi bạo lực đối với các thành viên trong gia đình (Loseke, 2005).

Lý thuyết căng thẳng xã hội cho rằng những khó khăn trong cuộc sống có thể khiến cá nhân có hành vi bạo lực đối với người thân trong gia đình.

Lý thuyết vai trò được đề cập nhiều nhất khi giải thích về các vấn đề giới. Quan điểm này nhấn mạnh rằng những hành vi ứng xử của con người chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các vai trò xã hội mà họ đóng.

Lý thuyết trao đổi xã hội dựa trên nguyên tắc “cùng có lợi” trong mối tương tác giữa các cá nhân. Đó là việc thực hiện cơ chế cho – nhận, tức là trao đổi mọi thứ “ngang giá” theo kiểu kinh tế học.

Lý thuyết nguồn lực giải thích bản chất của bạo lực gia đình từ góc độ nguồn lực của con người. Trong đó nguồn lực kinh tế đóng vai trò quan trọng nhất.

4. Chương trình, chính sách và luật phòng chống bạo lực gia đình

- *Chương trình quốc gia, các tổ chức có mối quan tâm đến bạo lực gia đình*

Chương trình quốc gia liên quan đến bạo lực gia đình là sự cụ thể hóa của luật pháp trong lĩnh vực này, đồng thời thể hiện sự quan tâm thường xuyên, và quyết tâm của Đảng và Nhà nước nhằm mục đích phòng, chống nạn bạo lực gia đình.

Có thể kể đến một số chương trình gần đây nhất, mang tính chất định hướng dài hạn như:

Chiến lược phát triển gia đình Việt nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 29/5/2012 theo quyết định số 629/QĐ-TTg. Trong đó, liên quan đến vấn đề bạo lực gia đình: Chiến lược thể hiện quyết tâm phòng, chống bạo lực gia đình với tư cách là một trong những yếu tố cần loại trừ hàng đầu (mục tiêu số 1, bên cạnh các mục tiêu về kinh tế, giáo dục) để nâng cao vai trò, chất lượng của gia đình trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cụ thể hơn, trong Chiến lược đã xác định 3/7 đề án liên quan trực tiếp đến phòng, chống bạo lực gia đình: Đề án tuyên truyền về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng đến năm 2020; đề án giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020; đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020.

Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 06/02/2014 theo quyết định số 215/QĐ-TTg. Mục tiêu chung của Chương trình là tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình, cộng đồng và toàn xã hội trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình; từng bước ngăn chặn và giảm dần số vụ bạo lực gia đình trên phạm vi toàn quốc.

Mục tiêu chung trên được cụ thể hóa bằng những mốc tỷ lệ phần trăm phải đạt được vào những năm 2015 và 2020 trên các lĩnh vực cụ thể. Để thực hiện được chúng, Chương trình cũng quy định rõ những tổ chức có liên quan, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Chương trình. Đó là sự phối kết hợp giữa các bộ và các cơ quan liên quan: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư, thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành